

Số: 972/2023/QĐST-HNGĐ

Bình Chánh, ngày 01 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 770/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Ông **Trần Văn S**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Nhà không số, tổ X, ấp A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà **Lê Thị Thu G**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Nhà không số, tổ X, ấp A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 116 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 10 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Văn S và bà Lê Thị Thu G.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn S và bà Lê Thị Thu G thuận tình ly hôn.

Giấy Chứng nhận kết hôn số 45/2013, quyển số: 01/2012, do Ủy ban nhân dân xã Phong Tân, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 28/03/2013 cho ông Trần Văn S và bà Lê Thị Thu G không còn giá trị pháp lý.

2.2. Về con chung: Ông Trần Văn S và bà Lê Thị Thu G chung sống với nhau có 01 con chung tên là Trần Ngọc Như Y, sinh ngày 18/10/2016. Khi ly hôn, ông Trần Văn S và bà Lê Thị Thu G cùng thống nhất đồng ý giao con chung là trẻ Trần Ngọc

Như Y cho bà Lê Thị Thu G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trần Văn S cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng (ba triệu đồng/1 tháng) bắt đầu từ ngày 10/11/2023.

2.3. Về tài sản chung: Ông Trần Văn S và bà Lê Thị Thu G tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Ông Trần Văn S và bà Lê Thị Thu G xác nhận không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2.5. Về án phí: Ông Trần Văn S tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu cấp dưỡng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng mà ông Sơn đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0020295 ngày 26/09/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Ông Trần Văn S đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự (2).
- VKSND H. Bình Chánh (2).
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1).
- Ủy ban nhân dân xã Phong Tân, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu (1).
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (3).

THẨM PHÁN

Trần Thị Thanh Huyền